

**BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1364**/QĐ-BNN-QLDN

Hà Nội, ngày **18** tháng **4** năm 2018

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC	
<b>ĐẾN</b>	Số:..... <b>411</b>
	Ngày:..... <b>23/4/2018</b>
	Chuyên:.....
	Lưu hồ sơ:..... <b>V/v</b>

**QUYẾT ĐỊNH**

**chấp thuận kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển và  
giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp năm 2018  
Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Bắc**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 03/01/2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Bắc;

Căn cứ Quyết định số 5457/QĐ-BNN-QLDN ngày 28/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chế giám sát tài chính đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm đại diện chủ sở hữu;

Xét đề nghị của Tổng công ty Lương thực miền Bắc - Công ty TNHH một thành viên tại Tờ trình số 244/TTr-TCTLTMB-HĐTV ngày 09/4/2018 về kế hoạch sản xuất, kinh doanh, lao động, tiền lương chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp năm 2018;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý doanh nghiệp,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Chấp thuận kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển năm 2018 của Tổng công ty Lương thực miền Bắc và giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp năm 2018 của Công ty mẹ - Tổng công ty như phụ lục 01, 02 kèm theo.

**Điều 2.** Giao Hội đồng thành viên Tổng Công ty Lương thực miền Bắc phê duyệt kế hoạch sản xuất, kinh doanh; kế hoạch đầu tư phát triển năm 2018 và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện sản xuất kinh doanh, hoàn thành kế hoạch, chỉ tiêu được giao; sử dụng các nguồn lực, nguồn vốn nhà nước giao có hiệu quả; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý và điều hành hoạt động của doanh nghiệp;

Định kỳ 6 tháng và năm lập báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và tình hình tài chính báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và gửi Bộ Tài chính theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Quản lý doanh nghiệp, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ; Hội đồng thành viên, Tổng giám Tổng công ty Lương thực miền Bắc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tài chính;
- Các Vụ: Tài chính, Kế hoạch;
- Kiểm soát viên Tcty (để p/h);
- Lưu VT, QLDN. (13)

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



*[Handwritten signature]*  
**Hà Công Tuấn**

Phụ lục 01

**KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2018**

(Kèm theo Quyết định số 1364/QĐ-BNN-QLDN ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh**

a) Công ty mẹ - Tổng công ty

Chỉ tiêu	ĐV tính	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	KH2018 /TH2017
1. Lương thực mua vào	Tấn	964.235	840.275	87%
2. Lương thực bán ra	Tấn	948.140	827.402	87%
3. Tổng doanh thu	Tr.đ	8.643.633	7.368.956	85%
4. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	304.898	305.621	100%
5. Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	254.983	255.706	100%
6. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn đầu tư chủ sở hữu	%	5,6%	5,6%	100%
7. Tiền lương bình quân NLD	Ngđ /ng/th	13.693	13.297	97%

b) Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con

Chỉ tiêu	ĐV tính	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	KH2018 /TH2017
1. Lương thực mua vào	Tấn	1.679.552	1.559.566	93%
2. Lương thực bán ra	Tấn	1.638.685	1.532.984	94%
3. Tổng doanh thu, thu nhập	Tr.đ	15.940.735	14.238.382	89%
4. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	354.801	317.953	90%

**2. Kế hoạch đầu tư phát triển**

a) Kế hoạch đầu tư xây dựng Công ty mẹ - Tổng công ty

Chỉ tiêu	ĐV tính	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	KH2018 /TH2017
1. Số dự án	Dự án	12	10	83%
2. Tổng mức đầu tư	Tr.đ	37.460	178.950	478%
3. Giải ngân	Tr.đ	46.193	91.640	198%
4. Công suất tăng thêm	Tấn gạo/ngày	0	300	

*M*

b) Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con

Chỉ tiêu	ĐV tính	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	KH2018 /TH2017
1. Số dự án	Dự án	22	36	164%
2. Tổng mức đầu tư	Tr.đ	53.280	230.592	433%
4. Giải ngân	Tr.đ	52.655	117.417	223%
5. Công suất tăng thêm	Tấn gạo/ngày	0	300	

**3. Kế hoạch Công ty mẹ mua cổ phần, vốn góp tại các doanh nghiệp khác:** Công ty mẹ - Tổng công ty thực hiện theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền

Chỉ tiêu	ĐV tính	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	KH2018 /TH2017
1. Số doanh nghiệp	DN	0	03	
2. Tổng mức đầu tư	Tr.đ	0	278.528	
3. Nguồn vốn	Tr.đ	0	Quỹ ĐTPT	
4. Doanh thu tăng thêm	Tr.đ	0	1.816.000	

Phụ lục số 02

**GIAO CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2018**  
(Kèm theo Quyết định số ~~1064~~ **1064**/QĐ-BNN-QLDN ngày ~~18~~ **18** tháng ~~4~~ **4** năm 2018  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	7.369
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	256
3	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	Theo quy định
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn đầu tư của chủ sở hữu	%	5,6